TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2022/DS-PT
Ngày 18-4-2023
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Những

Bà Trịnh Thị Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 3 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 116/2022/DS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 90/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 3 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị Quỳnh M, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số 26/2A, đường H, phường 2, thành phố T1, tỉnh Long An.

Bị đơn: Bà Hà Thị L, sinh năm 1985 và ông Hà Văn T, sinh năm 1962;

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã M, huyện T2, tỉnh Long An.

Người kháng cáo: Bị đơn ông T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 8 năm 2022 của nguyên đơn và cùng những lời trình bày như sau:

Ngày 23 tháng 4 năm 2022 ông T và bà L vay của bà M số tiền 220.000.000 đồng để làm ăn, lãi suất vay 5%/tháng, hẹn đến ngày 10 tháng 6 năm 2022 sẽ hoàn trả lại cho bà M nhưng đến hẹn ông T và bà L không trả. Do đó, bà M khởi kiện yêu cầu ông T và bà L liên đới trả cho bà M số tiền gốc là 220.000.000 đồng và lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày 23 tháng 4 năm 2022 cho đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa bà M yêu cầu ông T và bà L trả số tiền vay là 220.000.000 đồng, bà M từ bỏ việc yêu cầu ông T và bà L trả lãi.

Bị đơn bà L trình bày: Ngày mùng 05 tháng 5 năm 2021 bà L có vay của bà M số tiền 75.000.000 đồng, lãi tính theo ngày cứ 1.000.000 đồng phải trả 8.000 đồng tiền lãi, khoảng 10 ngày bà L trả 01 lần tiền lãi. Thời hạn vay không xác định. Bà L có làm giấy vay tiền do bên bà M giữ và bà M có giữ 01 sổ hộ khẩu của bà L. Do không trả đủ tiền lãi cho bà M nên ngày 23 tháng 4 năm 2022 bà M buộc bà L ký giấy nợ với số tiền là 220.000.000 đồng, trong đó có 75.000.000 đồng tiền vay còn lại là tiền lãi do bà M tính cộng chung. Ông T là cha của bà L là người làm chứng, ông T không vay tiền của bà M nhưng bà M buộc ông T ký tên vào giấy mượn nợ. Nay bà L chỉ đồng ý trả cho bà M tiền gốc vay là 75.000.000 đồng và tiền lãi tính theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông T trình bày: Bà M cho bà L vay tiền lúc nào ông không biết, khi bà L không còn khả năng trả tiền thì bà M kêu ký giấy nợ, lúc đó ông T mới biết số tiền bà L vay là 75.000.000 đồng. Do bà L không trả đủ tiền lãi nên phải ký giấy mượn nợ tính luôn tiền lãi là 220.000.000 đồng, ông T ký tên vào giấy mượn nợ ngày 23 tháng 4 năm 2022 cùng với bà L do bà M ép buộc nên không đồng ý trả tiền cho bà M.

Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 116/2022/DS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, tỉnh Long An đã căn cứ các Điều 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M đối với ông T và bà L về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông T và bà L phải liên đới trả cho bà M số tiền vay là 220.000.000 (hai trăm hai mươi triệu) đồng.

Ghi nhận việc bà M từ bỏ yêu cầu ông T và bà L trả tiền lãi vay.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối số tiền chưa trả, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông T và bà L phải liên đới chịu 11.000.000 (mười một triệu) đồng.

Bà M không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà M tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.780.000 (năm triệu bảy trăm tám mươi ngàn) đồng, theo biên lai thu số 0002691 ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền và nghĩa vụ của các đương sự ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, bị đơn ông T kháng cáo một phần bản án, yêu cầu không buộc ông trả tiền cho bà M vì ông không vay tiền của bà M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn bà M trình bày: Bà cho ông T và bà L vay 02 lần, lần đầu 140.000.000 đồng không ghi biên nhận, lần sau 80.000.000 đồng thì có yêu cầu viết giấy vay tiền tổng của vay lần đầu là 220.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng. Từ khi vay đến nay ông T và bà L chưa trả tiền gốc và lãi. Việc vay tiền để làm gì thì bà không biết, biên nhận nợ do chồng bà viết, ông T và bà L ký tên tại nhà của bà. Bà xác định không có việc ép buộc ký tên hay phá nhà như ông T trình bày, không đồng ý kháng cáo của ông T.

Bị đơn ông T trình bày: Ông hoàn toàn không có vay tiền của bà M, bà M cho người đến phá nhà và yêu cầu ông và bà L xuống nhà bà M để ép ký nhận nợ gốc là 75.000.000 đồng và tiền lãi do bà M tính ra, tổng nợ là 220.000.000 đồng. Việc bà L mượn tiền như thế nào ông hoàn toàn không biết, việc tính lãi do bà M tính trong sổ của bà M ông không có chứng cứ để cung cấp cho lời trình bày. Nên không đồng ý trả tiền cho bà M và xin xem xét miễn án phí vì ông là người cao tuổi.

Bị đơn bà L trình bày: Xác định bà có vay tiền của bà M nhiều lần, sau đó tổng cộng tiền gốc 75.000.000 đồng, vay trả lãi 8.000 đồng/1.000.000 đồng/1ngày, do không có khả năng trả nên bà M yêu cầu bà và ông T đến nhà ép ký nhận nợ gốc và lãi 220.000.000 đồng. Bà có kháng cáo, nhận thông báo nộp tiền tạm ứng án phí nhưng do đi làm xa nên không có nộp tiền.

Các đương sự không có thỏa thuận gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn ông T

kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Ông T thừa nhận có ký tên vào biên nhận nợ 220.000.000 đồng nhưng do bị ép buộc và số tiền trên bao gồm 75.000.000 đồng tiền gốc còn lại là tiền lãi nhưng bà M không thừa nhận, ông T không có căn cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình nên cấp sơ thẩm căn cứ vào biên nhận nợ buộc ông T liên đới với bà L trả cho bà M số tiền 220.000.000 đồng là có căn cứ. Vì vậy, kháng cáo của ông T không đồng ý trả tiền cho bà M không có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa ông T xin miễn án phí xét thấy ông T sinh năm 1962 đủ 60 tuổi, thỏa mãn điều kiện miễn án phí thuộc trường hợp người cao tuổi nên đề nghị chấp nhận.

Đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của ông T. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa một phần Bản án sơ thẩm số 116/2022/DS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông T kháng cáo hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn ông T về một phần bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo thấy rằng: Bà M yêu cầu ông T và bà L liên đới trả cho bà M số tiền gốc là 220.000.000 đồng. Chứng cứ cung cấp là biên nhận nợ ngày 23 tháng 4 năm 2022 do ông T và bà L ký tên có nội dung vay của bà M số tiền 220.000.000 đồng để làm ăn, lãi suất vay 5%/tháng, hẹn đến ngày 10 tháng 6 năm 2022 sẽ hoàn trả lại cho bà M nhưng đến hẹn ông T và bà L không trả. Bà L thừa nhận có vay của bà M 75.000.000 đồng nhưng do tính lãi cao, 1.000.000 đồng phải trả 8.000 đồng tiền lãi/1ngày nên bà L không có khả năng trả, vì vậy bà M buộc bà L và ông T ký giấy nhận nợ 220.000.000 đồng. Ông T không đồng ý liên đới vì không biết bà L vay tiền để làm gì. Tuy nhiên, ông T thừa nhận biên nhận mượn tiền do ông ký tại nhà bà M là do bà M ép buộc, nhưng bà M không thừa nhận lời trình bày của ông T và ông T không có căn cứ chứng minh bị đe dọa ép buộc; ngoài ra không có căn cứ chứng minh số tiền 220.000.000 đồng là bao gồm tiền gốc 75.000.000 đồng và tiền lãi 125.000.000 đồng nên cấp sơ thẩm buộc ông T liên đới cùng bà L trả cho bà M 220.000.000 đồng là có căn cứ. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của ông T không có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông T xin được miễn án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi, ông T sinh năm 1962 thỏa mãn điều kiện trên nên cần chấp nhận miễn án phí cho ông T.

[4] Từ nhận định mục [3], chấp nhận một phần kháng cáo của ông T. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 116/2022/DS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2022

của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Lời đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An có căn cứ được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T được miễn, bà L phải chịu ½ phần của bà L là 5.5000.000 đồng. Bà M không phải chịu án phí.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông T không phải chịu theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Hà Văn T.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 116/2022/DS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Quỳnh M đối với ông Hà Văn T và bà Hà Thị L về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Hà Văn T và bà Hà Thị L phải liên đới trả cho bà Dương Thị Quỳnh M số tiền vay là 220.000.000 (hai trăm hai mươi triệu) đồng.

Ghi nhận việc bà Dương Thị Quỳnh M từ bỏ yêu cầu ông Hà Văn T và bà Hà Thị L trả tiền lãi vay.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối số tiền chưa trả, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hà Văn T được miễn án phí. Buộc bà Hà Thị L phải chịu 5.500.000 (năm triệu năm trăm nghìn) đồng.

Bà Dương Thị Quỳnh M không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Dương Thị Quỳnh M tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.780.000 (Năm triệu bảy trăm tám mươi ngàn) đồng, theo biên lai thu số 0002691 ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hà Văn T không phải chịu.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Bích Tuyền